

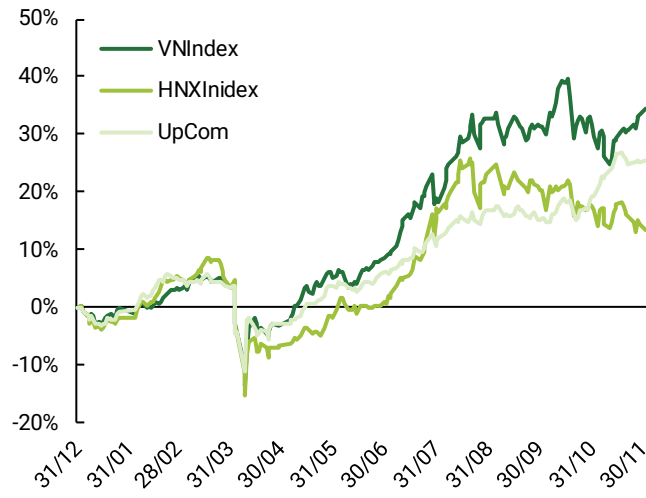
**VN-Index** **1701.67 (0.63%)**  
684 Tr. cổ phiếu 21165.0 Tỷ VND (-11.36%)

**HNX-Index** **257.91 (-0.77%)**  
55 Tr. cổ phiếu 1038.4 Tỷ VND (-21.51%)

**UPCOM-Index** **119.14 (0.13%)**  
26 Tr. cổ phiếu 415.3 Tỷ VND (-31.77%)

**VN30F1M** **1933.20 (0.53%)**  
197,089 HD OI: 35,010 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1701.7, tăng 10.7 điểm (+0.63%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. VN30 tăng trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Đà đi lên thiếu lan tỏa khi dòng tiền tiếp tục phân hóa, sắc xanh được nâng đỡ từ nhóm trụ lớn (dẫn dắt bởi nhóm Vingroup), trong khi độ rộng thị trường lại nghiêng về số mã giảm.  
Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+3.6%), VHM (+2.7%), VRE (+1.9%) | Thực phẩm, đồ uống: ACL (+6.8%), SAB (+5.6%) | Hàng&Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+7.0%), VTP (+2.6%) | Tiện ích: GAS (+3.1%), NT2 (+1.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: MSB (-1.9%), TPB (-1.7%), TCB (-1.6%) | Dịch vụ tài chính: SSI (-2.4%), VDS (-1.6%) | Tài nguyên Cơ bản: TNI (-3.0%), NKG (-1.2%) | Xây dựng và Vật liệu: CII (-2.1%), DPG (-0.9%)  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VPL, VNM, GEE, GAS - Chiều giảm | TCB, CTG, HVN, GVR, LPB  
Khối ngoại Bán ròng hơn 290 tỷ, tập trung nhiều ở VHM, VIC, VCB, trong khi mua ròng FPT, MSN, VNM.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nén sao băng (Shooting Star) cho thấy lực cung chi phối trên vùng 1700 điểm. Sắc xanh tiếp tục được nâng đỡ từ nhóm trụ lớn trong khi độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện. Nhóm cổ phiếu penny bật tăng mạnh trong phiên cũng thể hiện sự đầu cơ trở lại, hàm ý thị trường thiếu đi chất xúc tác cũng như động lực từ nhóm dẫn dắt rõ ràng. Nếu sự phân hóa vẫn tiếp diễn, rủi ro điều chỉnh luôn hiện hữu. Trường hợp sự lan tỏa tốt hơn, có thể kỳ vọng vận động giữ đà đi lên hướng tới vùng kháng cự tiếp theo quanh ngưỡng 1750 điểm. Hỗ trợ duy trì xu hướng được nâng lên quanh mốc 1640 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, nỗ lực phục hồi bất thành và chỉ số tiếp tục lùi về sắc đỏ. Vận động đang trở lại vùng đáy gần quanh khu vực 256 – 258, nếu lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm có thể tìm về mức hỗ trợ thấp hơn quanh ngưỡng 250.
- **Chiến lược chung:** Vị thế nghiêng về nắm giữ. Việc theo dõi chỉ số ở thời điểm hiện tại mang tính tham khảo, nhà đầu tư nên tập trung vào danh mục hiện có để có các biện pháp cơ cấu phù hợp. Ở chiều mua mới, cần kỷ luật với điểm mua, chỉ nên hành động khi cổ phiếu thật sự vượt cản với dòng tiền xác nhận. Một số nhóm ngành đang cho thấy trạng thái kiểm định hỗ trợ nổi bật như Ngân hàng, Bất động sản, Dầu khí, Tiêu dùng, Tiện ích.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Nắm giữ PC1 (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
<b>Theo chỉ số</b>												
VN-Index	1,701.7 <span style="color:orange">↔</span>	<span style="color:orange">0.63%</span>	2.0%	3.8%	21,165.0 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-11.4%</span>	21.7%	<span style="color:red">-23.5%</span>	683.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-11.8%</span>	18.4%	<span style="color:red">-19.3%</span>
HNX-Index	257.9 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.8%</span>	-1.3%	-3.0%	1,038.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-21.5%</span>	14.6%	<span style="color:red">-43.5%</span>	54.9 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-14.3%</span>	25.3%	<span style="color:red">-33.7%</span>
UPCOM-Index	119.1 <span style="color:orange">↔</span>	<span style="color:orange">0.13%</span>	0.2%	5.0%	415.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-31.8%</span>	-18.5%	<span style="color:red">-56.7%</span>	25.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-45.2%</span>	-8.7%	<span style="color:red">-59.8%</span>
VN30	1,933.6 <span style="color:orange">↔</span>	<span style="color:orange">0.5%</span>	0.9%	2.6%	12,775.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-3.5%</span>	26.2%	<span style="color:red">-10.2%</span>	276.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.8%</span>	11.1%	<span style="color:red">-14.6%</span>
VNMID	2,282.5 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.6%</span>	0.4%	-2.7%	6,457.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-27.3%</span>	16.1%	<span style="color:red">-41.6%</span>	246.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-27.9%</span>	13.8%	<span style="color:red">-35.3%</span>
VNSML	1,505.6 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.29%</span>	-0.7%	-2.3%	1,012.1 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-2.5%</span>	0.0%	<span style="color:red">-44.9%</span>	80.5 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">3.7%</span>	9.7%	<span style="color:red">-27.2%</span>
<b>Theo ngành (VNIndex)</b>												
Ngân hàng	614.8 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.55%</span>	-0.56%	-2.9%	4,241.8 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-7.83%</span>	-21.4%	<span style="color:red">-28.5%</span>	180.5 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-4.2%</span>	-17.7%	<span style="color:red">-24.2%</span>
Bất động sản	722.2 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">2.3%</span>	7.5%	7.8%	5,867.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-7.3%</span>	19.2%	<span style="color:green">33.8%</span>	106.1 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-13.2%</span>	-17.9%	<span style="color:red">-27.2%</span>
Dịch vụ tài chính	311.5 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-1.2%</span>	0.2%	-5.7%	2,679.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-16.4%</span>	-23.1%	<span style="color:red">-27.9%</span>	106.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-11.6%</span>	-19.5%	<span style="color:red">-22.1%</span>
Công nghiệp	285.0 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">2.3%</span>	5.6%	0.8%	1,249.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-35.3%</span>	-31.0%	<span style="color:red">-28.8%</span>	28.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-43.9%</span>	-36.0%	<span style="color:red">-33.7%</span>
Tài nguyên cơ bản	526.0 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.3%</span>	-2.8%	-0.6%	884.5 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-7.7%</span>	6.8%	<span style="color:red">-24.3%</span>	40.6 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-6.6%</span>	13.4%	<span style="color:red">-19.5%</span>
Xây dựng - Vật Liệu	190.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.1%</span>	-0.7%	-0.1%	722.1 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-37.8%</span>	-25.9%	<span style="color:red">-41.0%</span>	34.6 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-30.4%</span>	-18.0%	<span style="color:red">-33.0%</span>
Thực phẩm	568.6 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">1.9%</span>	1.6%	3.9%	2,006.8 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">5.2%</span>	16.3%	<span style="color:green">19.0%</span>	47.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-7.6%</span>	-4.8%	<span style="color:red">-1.5%</span>
Bán Lẻ	1,480.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.1%</span>	0.3%	-3.2%	417.4 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-18.8%</span>	-21.8%	<span style="color:red">-45.4%</span>	6.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-15.2%</span>	-21.3%	<span style="color:red">-41.9%</span>
Công nghệ	516.1 <span style="color:orange">↔</span>	<span style="color:orange">0.5%</span>	-3.4%	-4.7%	554.5 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-32.6%</span>	-23.0%	<span style="color:red">-46.3%</span>	14.5 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">56.5%</span>	79.1%	<span style="color:green">22.1%</span>
Hóa chất	165.2 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-1.06%</span>	-1.6%	0.8%	329.0 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-3.6%</span>	-19.4%	<span style="color:red">-49.5%</span>	15.9 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">20.2%</span>	5.7%	<span style="color:red">-18.9%</span>
Tiện ích	673.4 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">1.1%</span>	0.8%	3.9%	476.9 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">59.3%</span>	46.4%	<span style="color:green">53.0%</span>	16.4 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">11.1%</span>	-3.0%	<span style="color:green">6.3%</span>
Dầu khí	72.7 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-0.14%</span>	-0.7%	0.6%	359.8 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-58.3%</span>	-49.1%	<span style="color:red">-41.3%</span>	13.9 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-57.4%</span>	-49.0%	<span style="color:red">-44.4%</span>
Dược phẩm	426.9 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">1.1%</span>	1.0%	-1.3%	83.3 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">61.1%</span>	29.8%	<span style="color:green">9.4%</span>	6.2 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">70.5%</span>	82.9%	<span style="color:green">80.5%</span>
Bảo hiểm	86.3 <span style="color:red">▼</span>	<span style="color:red">-1.0%</span>	-3.0%	3.8%	39.0 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">65.6%</span>	48.4%	<span style="color:red">-19.1%</span>	1.7 <span style="color:green">▲</span>	<span style="color:green">71.9%</span>	65.9%	<span style="color:green">5.2%</span>

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,701.7	0.63%	34.3%	16.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,277	1.6%	-8.8%	13.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,549	0.5%	20.7%	21.3x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	11,999	0.7%	-4.7%	15.8x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,989	-0.5%	-8.3%	10.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,914	0.65%	16.8%	18.5x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	26,033	0.7%	29.8%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	49,303	-1.89%	23.6%	22.0x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,849	0.5%	16.4%	27.2x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	47,716	0.6%	12.2%	24.4x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,721	0.0%	18.9%	14.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,645	-0.4%	15.3%	17.0x	2.4x
DXY		99.3	-0.21%	-8.5%		
USDVND		26,367	0.008%	3.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

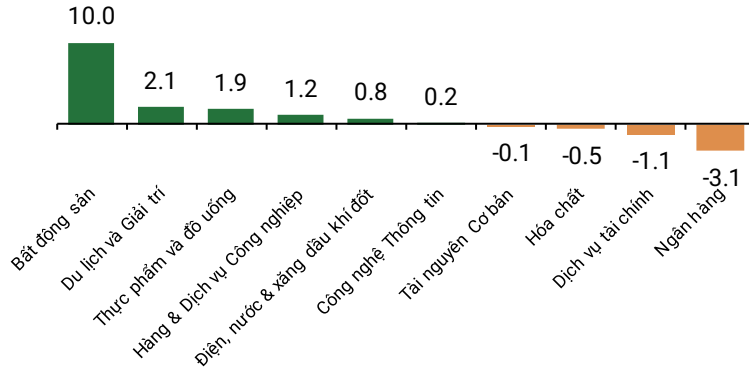
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	0.1%	-2.8%	-15.2%	-13.3%
Dầu WTI	1.5%	-2.5%	-17.1%	-12.6%
Khí gas	-1.7%	15.6%	31.2%	41.7%
Than cốc (*)	-3.1%	3.4%	-4.3%	-9.9%
Thép HRC (*)	0.5%	-1.0%	-4.6%	-6.3%
PVC (*)	0.0%	-3.2%	-10.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	-5.1%	-7.5%	5.7%	13.5%
Cao su thiên nhiên	-4.5%	0.8%	-12.9%	-11.7%
Bông Cotton	0.0%	-4.0%	-8.0%	-14.2%
Đường	-1.7%	3.6%	-22.4%	-29.1%
World Container Index	-2.5%	-0.8%	-52.5%	-45.8%
Baltic Dirty tanker Index	-0.8%	1.1%	56.6%	62.8%
Vàng	0.4%	6.3%	62.2%	61.0%
Bạc	2.1%	18.5%	99.6%	88.4%

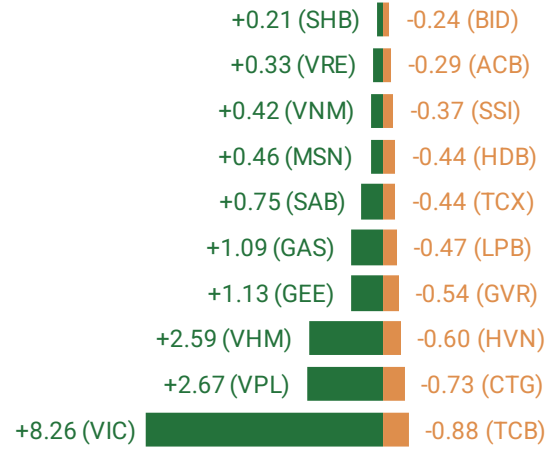
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

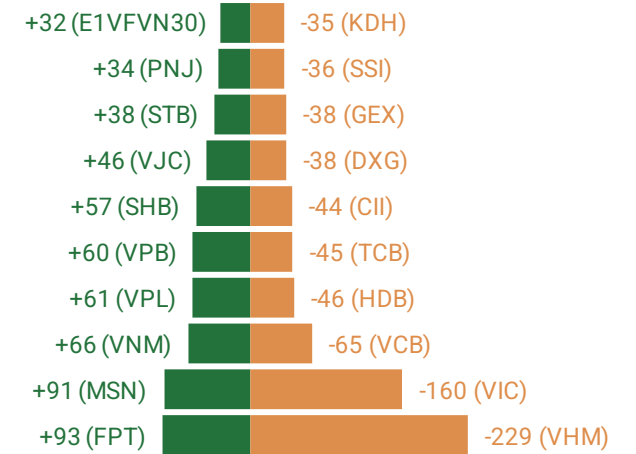
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



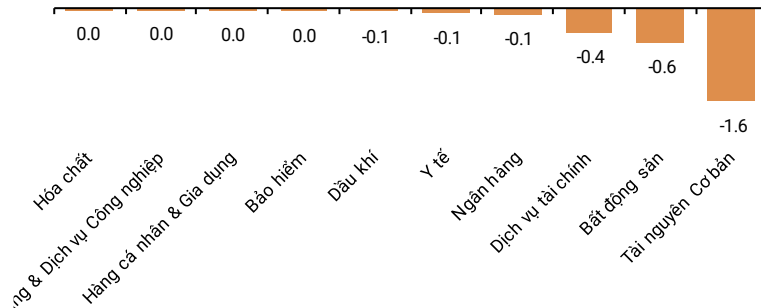
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



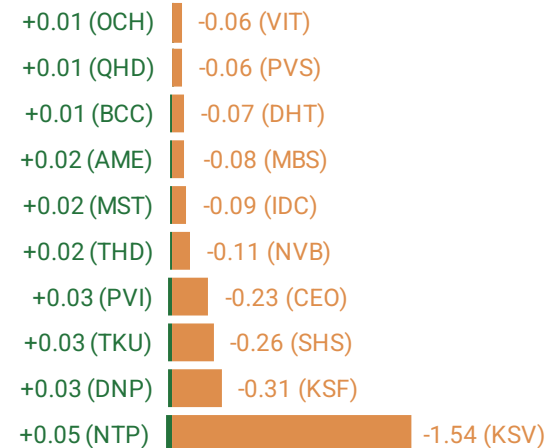
### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



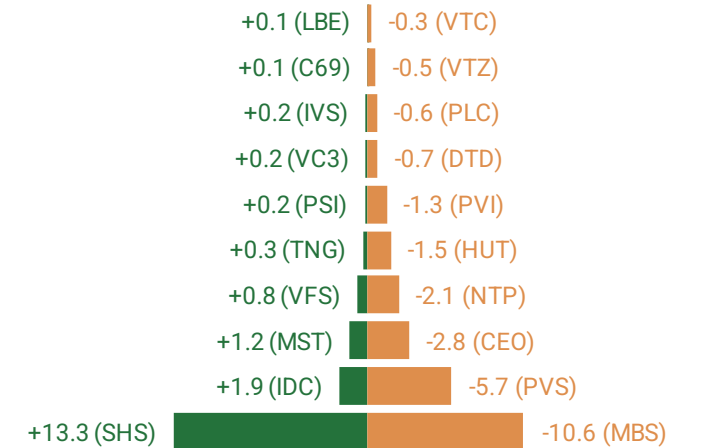
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



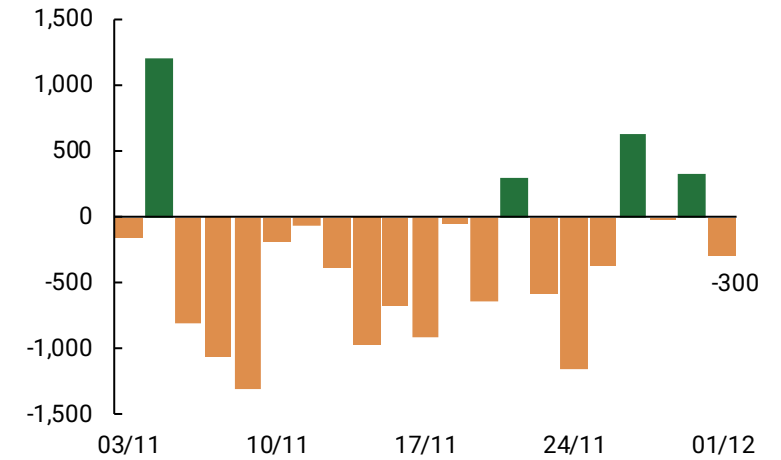
	VIC	SHB	SSI	VIX	VHM
%DoD	3.6%	1.2%	-2.4%	0.0%	2.7%
Giá trị	1,221	975	924	894	619

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	EIB	HPG	ACB	FPT
%DoD	3.6%	-1.1%	-0.2%	-1.0%	0.5%
Giá trị	2,015	349	191	177	173

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



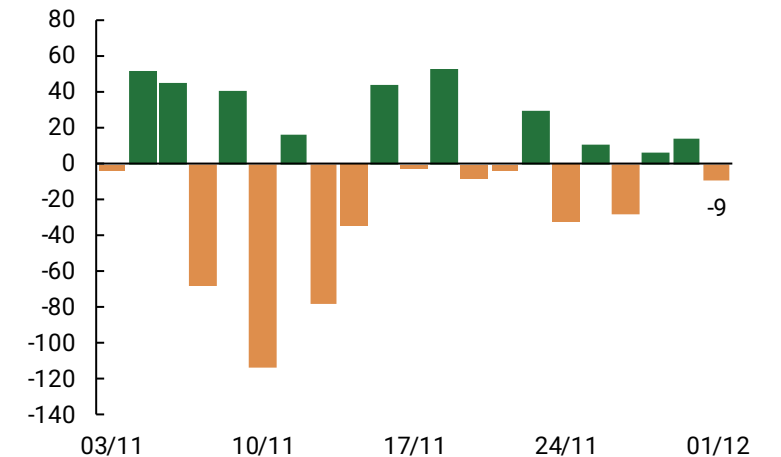
	SHS	CEO	PVS	IDC	MST
%DoD	-2.4%	-2.7%	-0.6%	-1.0%	4.8%
Giá trị	326	185	71	53	39

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	TVC	HHC	VFS	UNI
%DoD	0.0%	-1.1%	0.0%	-0.6%	0.0%
Giá trị	24	14	8	8	4

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Shooting Star, vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1640 - 1660.
- ✓ Kháng cự: 1750
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

**Kịch bản:** Vận động chậm lại khi bút phá qua ngưỡng 1700 điểm cho thấy cung bán đang chi phối. Đà đi lên thiếu động thuận khi được nâng đỡ bởi nhóm vốn hóa lớn, trong khi độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện. Nếu sự lan tỏa tốt hơn, có thể kỳ vọng chỉ số giữ đà đi lên, hướng tới vùng kháng cự 1750. Tuy nhiên, nếu sự phân hóa vẫn tiếp diễn, rủi ro điều chỉnh luôn hiện hữu. Hỗ trợ duy trì xu hướng được nâng lên quanh mốc 1640 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting Star, vol dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1880.
- ✓ Kháng cự: 1940 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

➔ VN30 lùi bước khi tiếp cận vùng cản 1940 – 1960, hàm ý lực cung hiện hữu trên vùng cao và đà đi lên cần được củng cố vững vàng hơn để bút phá. Nhóm vốn hóa lớn vẫn luân phiên vai trò để giữ nhịp vận động. Nếu trạng thái tích lũy tốt, kỳ vọng chỉ số sẽ hướng tới chinh phục ngưỡng 1960. Hỗ trợ duy trì xu hướng quanh mức 1880 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	<b>PC1</b>	<b>HOLD</b>	Current price	<b>21.7</b>	<b>-3.6%</b>	P/E (x)	13.7
Exchange	HOSE		Action price (18/11)	22.5		P/B (x)	1.3
Sector	Heavy Construction		Cut loss (new)	<b>21</b>		EPS	1584.0
			Target price	<b>25</b>		ROE	10.0%
			Target price (old)		Stock Rating	B	
					Scale Market Cap	Large	



## TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định lại MA20 ngày.
  - Thanh khoản thấp cho thâu chiều mua lưỡng lự.
  - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu trong khi RSI cũng giảm về gần mức trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
  - Rủi ro thị trường: Độ rộng suy yếu và áp lực điều chỉnh khi nhóm trụ lớn hạ nhiệt.
- ➔ Đà tăng kỳ vọng tiếp diễn và hướng về mục tiêu đỉnh cũ.
- ➔ Hạ khuyến nghị xuống Năm giữ.

**Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Năm giữ	01/12/2025	21.7	22.5	-3.6%	25.0	11.1%	21	-6.7%	Rủ ro thị trường

**Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Mua	14/11/2025	-	49.00	47.4	3.4%	51.0	7.6%	45.5	-4.0%	
2	PC1	Năm giữ	18/11/2025	01/12/2025	21.70	22.5	-3.6%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	
3	KDH	Mua	27/11/2025	-	34.15	35.40	-3.5%	39.0	10.2%	33.0	-6.8%	
4	PHR	Mua	28/11/2025	-	55.20	56.6	-2.5%	64.0	13.1%	53.0	-6.4%	
5	DGW	Mua	01/12/2025	-	43.60	43.70	-0.2%	50.0	14.4%	40.0	-8.5%	





### Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1933, tăng 10.2 điểm (+0.5%). Vận động tăng nhanh khi mở cửa lên trên vùng 1930 nhưng đã trở lại giằng co rung lắc trong biên độ ngang quanh khu vực 1930 – 1936.
- **Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo MACD, RSI có dấu hiệu hạ nhiệt, cùng với việc kiểm định thật bại khu vực 1936 cho thấy áp lực điều chỉnh đang chi phối. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1928, có thể gia tăng thêm Short nếu giá tiếp tục giao dịch dưới ngưỡng 1918. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1936. Lưu ý biến động ở nhóm trụ trong rổ VN30 có thể gây ra rung lắc mạnh.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1831, tăng 9.1 điểm (+0.5%). Độ lệch basis 3.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 98 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1815, trong khi kháng cự là ngưỡng 1840.

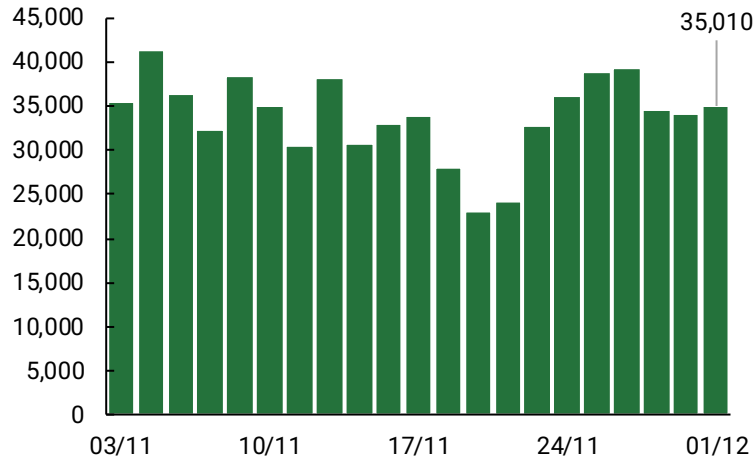
### Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.936	1.946	1.929	10 : 07
Short	< 1.928	1.918	1.935	10 : 07
Short	< 1.918	1.908	1.925	10 : 07

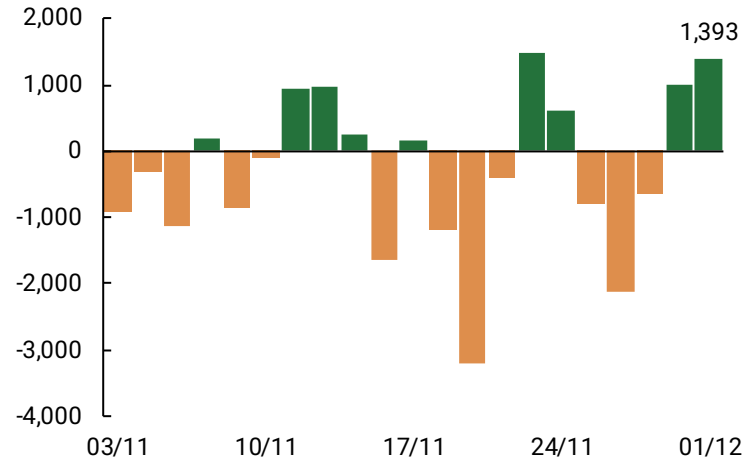
### Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G6000	1,930.0	14.7	19	218	1,944.1	-14.1	18/06/2026	199
4111G3000	1,927.0	7.3	23	357	1,939.3	-12.3	19/03/2026	108
4111G1000	1,932.7	17.4	404	630	1,935.9	-3.2	15/01/2026	45
VN30F2512	1,933.2	10.2	197,089	35,010	1,934.5	-1.3	18/12/2025	17
4112FC000	1,831.1	9.1	98	89	1,835.4	-4.3	18/12/2025	17

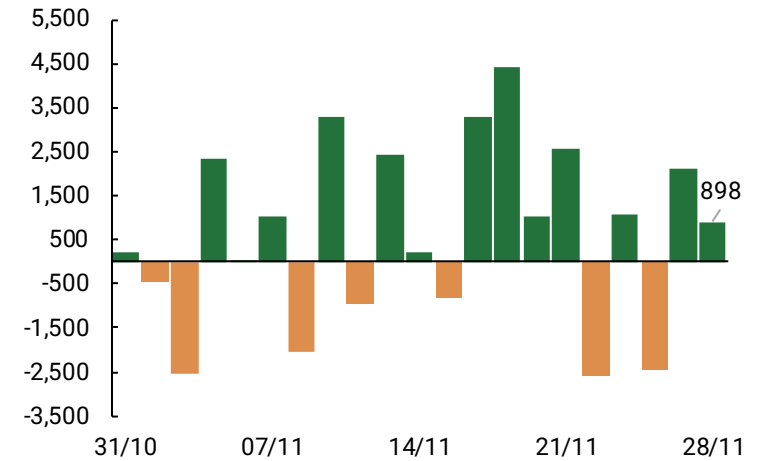
**Khối lượng mở (Open interest)**



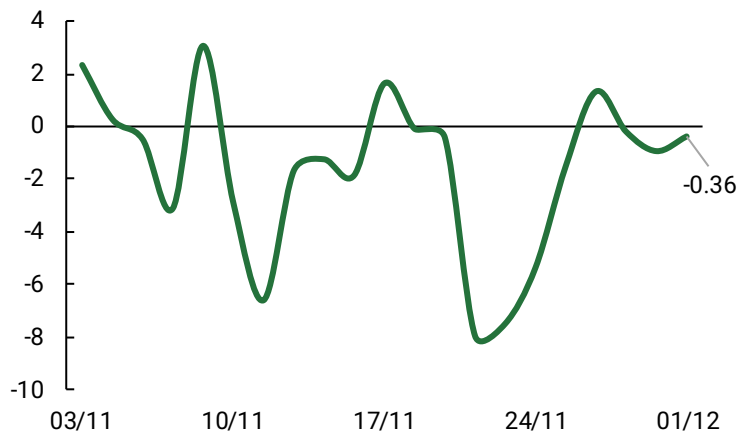
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



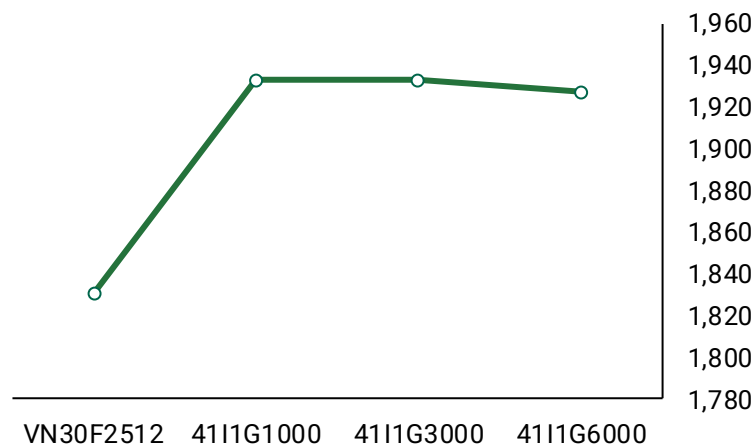
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



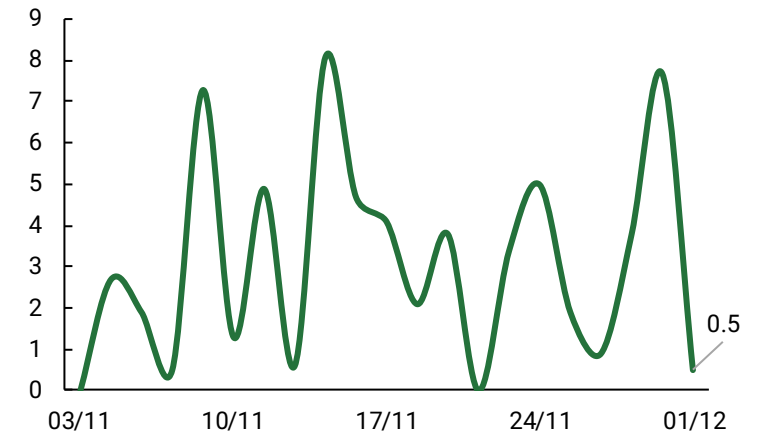
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M - VN30F2M**



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,200	65,400	-11.9%	Bán
BCM	65,600	74,500	13.6%	Tăng tỷ trọng
CTD	84,400	91,400	8.3%	Nắm giữ
CTI	23,550	27,200	15.5%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,500	68,000	34.7%	Mua
DDV	26,904	35,500	32.0%	Mua
DGC	95,000	102,300	7.7%	Nắm giữ
DGW	43,600	48,000	10.1%	Tăng tỷ trọng
DPG	43,200	53,100	22.9%	Mua
DPR	38,000	46,500	22.4%	Mua
DRI	13,026	17,200	32.0%	Mua
EVF	11,950	14,400	20.5%	Mua
FRT	145,000	135,800	-6.3%	Giảm tỷ trọng
GMD	63,500	72,700	14.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	60,800	67,600	11.2%	Tăng tỷ trọng
HDG	31,200	33,800	8.3%	Nắm giữ
HHV	14,250	12,600	-11.6%	Bán
HPG	26,500	12,600	-52.5%	Bán
IMP	49,300	55,000	11.6%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,200	22,700	-2.2%	Giảm tỷ trọng
MSH	35,150	43,100	22.6%	Mua
MWG	80,000	92,500	15.6%	Tăng tỷ trọng
NLG	35,650	39,950	12.1%	Tăng tỷ trọng
NT2	23,600	27,400	16.1%	Tăng tỷ trọng
PHR	55,200	72,800	31.9%	Mua
PNJ	91,600	95,400	4.1%	Nắm giữ
PVT	18,750	18,900	0.8%	Nắm giữ
SAB	49,000	59,900	22.2%	Mua
TLG	59,300	59,700	0.7%	Nắm giữ
TCB	33,200	35,650	7.4%	Nắm giữ
TCM	28,050	38,400	36.9%	Mua
TRC	77,500	95,800	23.6%	Mua
VCG	23,750	26,200	10.3%	Tăng tỷ trọng
VHC	57,500	60,000	4.3%	Nắm giữ
VNM	64,900	66,650	2.7%	Nắm giữ
VSC	22,100	17,900	-19.0%	Bán

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục  
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng  
11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)  
Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành,  
Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/12 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh  
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và  
FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục  
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất  
Mỹ - Công bố số cuối cùng GDP
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**PMI ngành sản xuất tháng 11 giảm điểm, lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng nhưng chậm lại:** PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 11 đạt 53,8 điểm, giảm một chút so với mức 54,5 điểm của tháng 10. Dữ liệu tháng 11 cho thấy sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều tiếp tục tăng, mặc dù có báo cáo về sự gián đoạn do bão lớn làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và khả năng hoàn thành công việc đúng hạn của các nhà sản xuất. Các vấn đề về nguồn cung do bão cũng góp phần gây áp lực lạm phát, với chi phí đầu vào tăng mạnh và từ đó các công ty đã tăng giá bán hàng.

**Quốc hội đồng ý sửa Nghị quyết 98 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM:** Sáng 01/12, Quốc hội đã biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Chương trình kỳ họp thứ 10. Theo đó, Quốc hội sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 98 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM; chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại TP.HCM, TP Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**VTP - CEO Viettel Post kỳ vọng 100 triệu người Việt Nam cùng làm logistics:** Viettel Post triển khai chiến lược xã hội hóa hạ tầng logistics, huy động toàn dân tham gia xây dựng mạng lưới vận tải và bưu cục qua nền tảng smart locker và mô hình nền tảng tương tự Uber. Mục tiêu bao phủ toàn quốc, tăng năng suất giao hàng gấp 20 lần hiện tại, giảm thời gian chờ đợi và mở rộng ra thị trường nông thôn. Sau 1 năm, Viettel Post đã mở 700 bưu cục trên toàn quốc, đẩy nhanh tốc độ mở rộng và kỳ vọng thay đổi thị trường logistics, cạnh tranh hiệu quả với doanh nghiệp nước ngoài. Chiến lược tối ưu hóa chi phí và năng lực am hiểu địa phương được đánh giá cao.

**IMP - Lợi nhuận Imexpharm vượt 361 tỷ sau 10 tháng:** CTCP Dược phẩm Imexpharm vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 10 với doanh thu thuần đạt 211 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 50 tỷ đồng, cũng tăng 20%. Theo doanh nghiệp, kênh OTC bắt đầu phục hồi khi khách hàng tăng nhập hàng trở lại sau nhiều tháng duy trì tồn kho ở mức thấp. Nhờ đó, kết quả tháng 10 ghi nhận tăng 18% so với tháng trước và tăng 81% so với cùng kỳ. Cả nhóm nhà thuốc lẻ và chuỗi nhà thuốc đều tăng trưởng, lần lượt 68% và 202% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng, Imexpharm đạt 2.011 tỷ đồng doanh thu, tăng 16%; lợi nhuận trước thuế tăng 23% lên 361 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. EBITDA đạt 462 tỷ đồng, tương đương mức tăng 18%.

**MWG - Loạt công ty mua lại cổ phiếu quỹ:** Nhiều doanh nghiệp như MWG, T-Corp, Nhựa Tân Đại Hưng và Gemadept đều tiến hành mua cổ phiếu quỹ theo quy định mới, không thể bán lại, nhằm tái cấu trúc vốn và gia tăng giá trị cổ đông dài hạn. MWG mua 10 triệu cổ phiếu với nguồn lực tài chính dồi dào, không nhằm bình ổn giá. T-Corp mua khi cổ phiếu đang thấp hơn giá trị sổ sách để củng cố uy tín. Nhựa Tân Đại Hưng tái cấu trúc vốn, thu hẹp số cổ phiếu lưu hành tạo dư địa chia cổ tức. Gemadept dự kiến mua khi giá giảm sâu nhưng chưa cần triển khai. Đây là biện pháp tài chính chiến lược, phụ thuộc vào dòng tiền và cam kết ban lãnh đạo.

**HBC - Hòa Bình khởi công 2 phân khu tại dự án Eco Retreat Tây Ninh:** Ngày 28/11/2025, tại tỉnh Tây Ninh, Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình đã phối hợp cùng chủ đầu tư DB Group (Nhà sáng lập Ecopark) tổ chức Lễ khởi công xây dựng Dự án Khu đô thị sinh thái, thương mại du lịch xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh (Eco Retreat).

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415